

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg, ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 311/TTr-SKHĐT ngày 18/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực cải tiến năng suất chất lượng của doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Quảng Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đào tạo được khoảng 15 - 20 lượt chuyên gia năng suất chất lượng cho cơ quan, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh.

b) Tập huấn khoảng 900 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý năng suất chất lượng của cơ quan, doanh nghiệp các kiến thức về năng suất chất lượng.

c) Số doanh nghiệp được hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng tăng bình quân hằng năm từ 10 - 15%. Có ít nhất 01 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường năng lực cho 01 - 02 tổ chức đạt chuẩn, đảm bảo đánh giá sự phù hợp (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) cho các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a) Nghiên cứu đề xuất, bổ sung các nội dung về năng suất chất lượng vào Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND, ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về việc Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2025 (gọi tắt là Nghị quyết 02), làm cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian đến.

b) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng.

2. Thông tin, tuyên truyền về năng suất chất lượng

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về năng suất chất lượng, hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là công cụ cho hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp.

b) Tổ chức, triển khai các hình thức thông tin truyền thông để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng bằng các hình thức truyền thông và phi truyền thông.

c) Tiếp tục duy trì và cập nhật các hoạt động năng suất chất lượng vào chuyên mục “Chương trình Năng suất Chất lượng Quảng Nam” trên website của Sở Khoa học và Công nghệ; xây dựng, phát sóng các chương trình truyền hình và xuất bản các chuyên đề về các hoạt động năng suất chất lượng trên các báo.

d) Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng.

3. Đào tạo, tập huấn về năng suất chất lượng

a) Rà soát, cử cán bộ của cơ quan, doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về chuyên gia năng suất chất lượng, đội ngũ giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ quản lý năng suất chất lượng.

b) Tổ chức tập huấn về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các cơ quan có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo trong khuôn khổ các chương trình đào tạo hàng năm của Tổ chức Năng suất Châu Á (đào tạo về chuyển đổi thông minh: Internet vạn vật, phân tích dữ liệu lớn, chuyển đổi số, blockchain, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, du lịch thông minh...) và các khóa đào tạo khác của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

a) Tiếp tục triển khai hỗ trợ doanh nghiệp về năng suất chất lượng theo quy định tại Nghị quyết 02.

b) Nghiên cứu những nội dung khác về năng suất chất lượng (thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ; năng suất xanh; mã số mã vạch; các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, ...) để điều chỉnh, bổ sung vào Nghị quyết 02, làm cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo Kế hoạch của UBND tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

d) Hỗ trợ cho tổ chức đạt chuẩn, đảm bảo đánh giá sự phù hợp (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) cho các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

5. Hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng

a) Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế để đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Tranh thủ sự hợp tác quốc tế để hỗ trợ tăng cường năng lực đánh giá, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước (kinh phí sự nghiệp KH&CN, kinh phí thực hiện Nghị quyết 02, kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch khác của ngành KH&CN) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ vào nội dung Kế hoạch được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán và tổng hợp dự toán kinh phí của các đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai Kế hoạch, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành, bổ sung, điều chỉnh, triển khai Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch hằng năm cho phù hợp với thực tiễn, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương nghiên cứu áp dụng, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch này.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương tổ chức sơ kết hai năm và tổng kết Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, 5 năm, đột xuất theo yêu cầu.

d) Phối hợp với Ban Thi đua khen thưởng tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng của tỉnh.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

e) Phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Kế hoạch trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện kế hoạch 5 năm, hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Kế hoạch trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 -2025, hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

4. Các Sở, Ban, ngành liên quan

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Kế hoạch trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

c) Hướng dẫn, tập huấn, thanh kiểm tra xử lý vi phạm liên quan đến lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Liên minh hợp tác xã; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

a) Phối hợp triển khai thực hiện nội dung nâng cao năng suất, chất lượng trong các hợp tác xã, làng nghề, doanh nghiệp, hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến nội dung Kế hoạch.

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và giải quyết.

6. Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam; Báo Quảng Nam

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin; tổ chức thông tin, tuyên truyền và phổ biến các hoạt động năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Kế hoạch trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

c) Hướng dẫn và tạo điều kiện cho cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, tổ chức tham gia vào Kế hoạch, gắn kết các hoạt động kinh tế xã hội của địa phương với phong trào năng suất, chất lượng của tỉnh.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện, Kế hoạch được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và phản ánh vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch: Liên minh hợp tác xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam; Tổng Biên tập Báo Quảng Nam; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Tổng cục TCĐLCL (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu